TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:04/2019/DS - ST Ngày 23 tháng 5 năm 2019 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Nghị;

2.Ông Nguyễn Đình La.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tưởng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đình Đắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V.

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9, Đ V B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Gi – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H – Trưởng nhóm tố tụng- Phòng thu hồi nợ pháp lý Trung tâm thu hồi nợ- Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngân hàng V N T V.(Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/6/2018).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992(Có mặt).

Địa chỉ: Đường L V C, phường L B, thành phố V Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền số 733/UQTA-VH.18 ngày 30 tháng 9 năm 2018)

2.*Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn Ph L, xã A H, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 22 tháng 9 năm 2015 chị Nguyễn Thị Thu H có ký Hợp đồng tín dụng số 20150926-500000-0412 với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V (Công ty tài chính) để vay số tiền 26.375.000 đồng với lãi suất là 3,75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán số tiền 49.090.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng tương đương với 36 kỳ thanh toán (35 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.347.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.945.000 đồng). Trả vào ngày mùng 01 hàng tháng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty tài chính 12 kỳ với tổng số tiền là 15.123.000đồng,trong đó tiền gốc 4.526.000đ, tiền lãi là 10.596.034đ. Chị H đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng từ ngày 18 tháng 12 năm 2017 và hiện nay còn nợ Công ty tài chính là 33.967.000đ trong đó 21.848.034 và tiền lãi là 12.118.966. Nay Công ty Tài chính đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ gồm tiền gốc và tiền lãi còn nợ nêu trên. Đối với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng Công ty tài chính không yêu cầu chị H phải thanh toán nhưng đề nghị phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 4 năm 2019 chị H trình bày: Ngày 22 tháng 9 năm 2015, chị có ký hợp đồng tín dụng số 20150926-500000-0412 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V vay số tiền là 26.375.000đồng với lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng chị phải trả cho Công ty tổng số tiền là 49.090.000đ (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.347.000đ, tháng cuối cùng trả 1.945.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị đã thanh toán cho Công ty tài chính 12 lần với tổng số tiền là 15.123.000đ. Kể từ tháng 3 năm 2017 đến nay, do hoàn cảnh khó khăn nên chị chưa trả được tiền cho Công ty tài

chính. Nay Công ty tài chính khởi kiện đề nghị chị phải thanh toán số tiền nợ là 33.967.000đ trong đó tiền nợ gốc còn lại là 21.898.039đồng và tiền lãi theo hợp đồng là 12.118.966đ, chị đồng ý trả nhưng đề nghị Công ty tài chính giảm bớt lãi và đề nghị được trả dần vì hiện nay chị đang khó khăn. Đây là khoản vay của riêng chị không phải là khoản nợ chung của vợ chồng nên chị có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho Công ty Tài chính tổng số tiền là đồng, trong đó tiền nợ gốc còn lại là 33.967.000đ và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Quá trình thu thập chứng cứ chị H được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án không tiến hành hòa giải được.Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V và chị Nguyễn Thị Thu H. Thỏa thuận giữa các bên được thể hiện trong nội dung của hợp đồng tín dụng số 20150926-500000-0412 ngày 22 tháng 9 năm 2015 giữa bên cho vay là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V và bên vay là chị Nguyễn Thị Thu H, số tiền vay là 26.375.000đồng với mục đích vay, lãi suất, cách thức tính lãi, số tiền đã trả phản ánh đúng như đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa và lời trình bày của bị đơn trong biên bản lấy lời khai. Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được hai bên ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Công ty tài chính chị H đã trả được 15.123.000đ, trong đó nợ gốc là 4.526.000đ, tiền lãi là 10.596.034đ. Từ tháng 3 năm 2017 đến nay chị H không thực hiện nghĩa vụ của mình để trả nợ gốc và lãi cho Công ty tài chính theo hợp đồng đã ký kết, lỗi hoàn toàn thuộc về chị H. Công ty Tài chính đề nghị chị H trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ. Cần buộc chị H trả

cho Công ty Tài chính số tiền 33.967.000đ trong đó tiền nợ gốc còn lại là 21.848.034đồng và tiền lãi theo hợp đồng là 12.118.966đ. Đối với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, đây là khoản tiền vay được áp dụng theo Luật các tổ chức tín dụng, nhưng phía nguyên đơn tự nguyện đề nghị không áp dụng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà đề nghị sau khi bản án có hiệu lực pháp luật áp dụng mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu của đại diện nguyên đơn là tự nguyên và phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[3].Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án có căn cứ, được xem xét khi quyết định

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280,463,466, 357,468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V số tiền là 33.967.000đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn), trong đó tiền nợ gốc còn lại là 21.848.034đồng, tiền nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng là 12.118.966đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Thu H không thanh toán số tiền trên thì chị H phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.698.000đ (Một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

Trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V N T V 849.000đ(Tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002526 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

3.Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện T D;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D;
-Các đương sự;
-LưuHS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nghị - Nguyễn Đình La **Lê Thị Bích Ngọc**